

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27-01-2021

V/v: Ly hôn giữa

Chị D và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Duy Diên

2. Ông Tống Xuân Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Lân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 303/2020/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 10, phân trại số 2, trại giam T, huyện N, tỉnh T.

(Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Văn T do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã T vào tháng 3-2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, không bảo ban được nhau trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Ngày 15-12-2017,

anh T bị Công an huyện Hưng Hà bắt, sau đó bị Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà xử phạt 05 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hiện nay anh T đang chấp hành án tại Đội 10, phân trại số 2, trại giam T, huyện N, tỉnh T. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 12-2017 đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T không có con chung.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30-12-2020, bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị D xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hòa thuận đến tháng 8-2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có vài lần vợ chồng xảy ra xô xát đánh nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn chị D bỏ đi đâu anh không biết. Tháng 12-2017, anh đi chấp hành án tại trại giam T. Anh xác định tình cảm giữa anh và chị D vẫn còn, anh xin đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Anh và chị D không có con chung.

Về chia tài sản: Anh và chị D không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh đang phải chấp hành án tại trại giam T nên không thể về Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà để tham gia các buổi làm việc cũng như tham gia phiên tòa. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, anh T, chị D đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn T ly hôn; về nuôi con chung: chị D và anh T không có con chung; về chia tài sản: Chị D và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn T. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Ly hôn”. Mặc dù hiện nay anh T đang chấp hành án tại trại giam T, tỉnh T nhưng anh T đăng ký hộ khẩu tại thôn N, xã T, huyện H, tỉnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T xin vắng mặt tại các buổi làm việc và xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào tháng 3-2017, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng tính tình không hợp. Mặc dù anh T xác định tình cảm vẫn còn, anh xin đoàn tụ nhưng hiện nay anh T đang phải chấp hành án tại trại giam T, tỉnh T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hội đồng xét xử thấy: Chị D, anh T mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị D được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị D và anh T không có con chung.

[4] Về chia tài sản: Chị D và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn T.
2. Về nuôi con chung: Chị D và anh T không có con chung.
3. Về chia tài sản chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006205 ngày 09-11-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà (Chị D đã nộp đủ tiền án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên

